

HÀN QUỐC VÀ VIỆT NAM, MỘT CÁI NHÌN LỊCH SỬ (TRÍCH DỊCH)

LEE KEUN YEUP *

1. Việt Nam đánh bại Thành Cát Tư Hãn còn Hàn Quốc chịu đầu hàng

Trong cuốn *Koryo-Sa* (*Lịch sử triều đại Koryo ở Hàn Quốc* - từ năm 918 đến 1392 sau CN) có chi tiết liên quan đến Đông Dương (nay là Việt Nam). Cuốn sách có viết: “Đông Dương là một xứ sở lạc hậu, ở đó vua và các thần dân của mình đều tắm gội cùng nhau.”

Trong con mắt của nhiều người - theo đạo Khổng và theo chủ thuyết coi Hoa Hạ là trung tâm trong tầng lớp cầm quyền dưới triều đại Koryo thì Việt Nam là một dân tộc man di, kể cả từ vua trở xuống.

Xét về mặt địa-chính trị, Hàn Quốc là *Tả Thanh Long* và Việt Nam là *Hữu Bạch Hổ* (theo thuật ngữ phong thủy và lấy Trung Quốc làm trung tâm). Đây chính là nguyên nhân vì sao Hàn Quốc và Việt Nam từ buổi đầu lịch sử dân tộc đã gặp rất nhiều khó khăn và thách thức, kể cả việc phải chống lại nhiều cuộc ngoại xâm.

Tuy nhiên, tôi phát hiện được điểm khác biệt trong thái độ của hai dân tộc khi chống lại giặc ngoại xâm. Vào thế kỷ XIII, quân đội Mông Cổ của Thành Cát Tư Hãn và Hốt Tất Liệt (nhà Nguyên, Trung Quốc) với lực lượng quân sự hùng mạnh đã xâm lược Vương triều Koryo-Hàn Quốc hơn 6 lần và tàn phá toàn bộ đất nước. Sau hơn 30 năm chiến tranh đẫm máu, Vương triều Koryo đầu hàng quân Mông

* Giáo sư, Trung tâm Hàn Quốc Nghiên cứu Việt Nam về Khoa học xã hội và nhân văn. Hàn Quốc.

Cổ hoàn toàn. Suốt bốn năm cuối của thời kỳ này, những người con anh dũng của Sam-Beol-Cho (hay còn gọi là Ba đơn vị đặc biệt của Lực lượng đồn trú thủ đô) đã ba lần hiên ngang chống quân xâm lược cho đến lúc cuộc khởi nghĩa bị quân Nguyên liên minh với quân đầu hàng Koryo dập tắt tại căn cứ ở đảo Cheju nằm về phía tây nam Hàn Quốc.

Còn với Việt Nam, quân Mông Cổ đã ba lần xâm lược đất nước này. Tuy nhiên, lần nào chúng cũng đều bị dân tộc Việt Nam đánh cho tan tác. Trong thời kỳ này, Trần Hưng Đạo (1228-1300) đã hai lần lãnh đạo các cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông và cả hai lần đều chiến thắng. Vì vậy người dân Việt Nam coi ông là anh hùng dân tộc. Một đất nước “man di” nhỏ bé - nơi nhà vua tắm gội cùng với thần dân - đã chiến thắng quân đội hùng mạnh của Thành Cát Tư Hãn, trong khi Vương triều Koryo lại bị kẻ thù xâm lược. Vì sao vậy?

Khi quân Mông Cổ xâm lược Koryo, vua, hoàng gia, quan lại của Vương triều Koryo đã chạy đến Kanghwa phòng thủ và hoàn toàn cô lập với nhân dân. Vua và triều đình đã phó mặc đất nước cho quân Mông Cổ xâm lược đến tận khi phải đầu hàng chúng.

Tuy nhiên cũng là hợp lẽ nếu nhân dịp này ta hãy nghiên cứu về Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở Việt Nam trong mối quan hệ với chiến thắng quân Nguyên - Mông của nhân dân Việt Nam.

Trước đây, các bài báo của tôi đã nói đến Đại tướng Võ Nguyên Giáp như tướng quân huyền thoại của chiến trường. Các nhà báo Pháp gọi ông là “Ngọn núi lửa phủ đầy tuyết” và một vài tướng Mỹ gọi ông là “Lawrence of Arabia” (một nhà văn quân đội Anh (1888-1935), đồng thời cũng nổi tiếng về cách đánh du kích).

Tháng 9 năm 1996, tôi đã gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại nhà riêng của ông gần quảng trường Ba Đình ở Hà Nội. Lúc ấy tướng Giáp nói với tôi:

“Một nước nhỏ bao giờ cũng có cách đánh bại nước lớn. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh, đó là phải thu phục lòng người, tạo thành một khối thống nhất”. Các bạn có thể xem những chi tiết bổ sung khác trong cuốn sách của Đại tướng Võ Nguyên Giáp *Chiến tranh nhân dân, quân đội nhân dân* (Nhà xuất bản Fredirick A. Praeyer, N.Y. 1962).

Giai đoạn đầu có nhiều chiến thắng nhỏ của du kích. Thực tế, Đội tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập ban đầu gồm thanh niên trẻ thuộc các dân tộc ít người ở vùng núi phía Bắc Việt Nam chứ không phải người Hà Nội. Có lẽ vì điều này nên tướng Giáp được gọi là “Lawrence of Arabia”.

Giai đoạn hai là cuộc chiến tranh cơ động bao gồm lực lượng chính quy kết hợp với quân du kích không chính quy. Có lẽ thông qua đó, ông trở thành một chiến lược gia xuất sắc vào thập kỷ 1950 như đã thấy ở Điện Biên Phủ (1954)

và Đại thắng mùa Xuân 1975 (Sài Gòn). Khi còn là Tổng thư ký và Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng của Việt Nam, Đại tướng Giáp thể hiện quan điểm này một cách rõ ràng hơn trong một bài phát biểu của mình. Khi ông cảm ơn UNESCO đã thông qua Nghị quyết kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1990, ông nói: “Do tin tưởng rằng dựa vào sức mạnh của toàn dân tộc có thể đánh bại tất cả các kẻ thù, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn thể lực lượng vũ trang và nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, dùng chính nghĩa chống lại phi nghĩa, lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều. Bằng cách này, một nước nhỏ bé đã có thể đánh bại hai thế lực siêu cường của thế giới.” (Phát biểu của tướng Giáp tại Ủy ban UNESCO Việt Nam và Vietnam Courier, Hà Nội 1990 - dịch từ tiếng Anh của tác giả bài viết).

2. Nguyễn Ái Quốc, Phạm Văn Đồng và Triều Tiên

Phạm Văn Đồng là người tổ chức các cuộc biểu tình của học sinh Hà Nội năm 1925. Cũng năm đó ông đã đến Quảng Châu (Trung Quốc) và ở đây, lần đầu tiên ông gặp Hồ Chí Minh. Chính ở lớp huấn luyện chính trị đặc biệt của Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội do Chủ tịch Hồ Chí Minh mở, Phạm Văn Đồng và các đồng chí khác đã tìm hiểu lịch sử phong trào giải phóng dân tộc ở Triều Tiên, Trung Quốc, Ấn Độ. Tuy nhiên các sách vở hiện tại hầu như chưa thấy nói đến nội dung các bài giảng của cụ Hồ trong thời kỳ này về phong trào giải phóng dân tộc ở Triều Tiên.

Năm 1988, tôi có vinh dự được đến thăm vị Thủ tướng kính mến thời chiến tranh, người vốn là một trong số những học sinh lớp huấn luyện thời đó. Mặc dù ở tuổi 82, ông vẫn có một trí nhớ phi thường và những hồi ức của ông về các bài giảng của Bác Hồ xung quanh phong trào giải phóng dân tộc ở Triều Tiên bảy mươi năm trước đây thực sự là một khám phá và một món quà cho nhân dân Triều Tiên.

Sau những hoạt động bí mật, khi quay trở lại Việt Nam, Phạm Văn Đồng bị thực dân Pháp bắt và đẩy ra nhà tù Côn Đảo khét tiếng. Ông đã phải chịu một án tù 7 năm (1929-1935) trong xà lim cấm cố chỉ có 2,5 mét vuông với một lỗ thông hơi nhỏ, một chân ông bị cùm và xích sắt được gắn chặt vào nền xà lim bê tông. Có thể bảy năm tù cấm cố như vậy là nguyên nhân làm mất ông mờ đi trong những năm sau này.

Năm 1940, trong khi bị ốm nặng, Phạm Văn Đồng đã vượt biên giới Việt-Trung cùng với tướng Giáp. Trước đó Đại tướng Võ Nguyên Giáp bị rạn chia tay người vợ trẻ của ông ở bên Hồ Tây ở Hà Nội để tham gia vào tổ chức của cụ Hồ Chí Minh. (Xem thêm Lee K.Y *Bưu điện Hàn Quốc 9/1947*).

Tháng 5-1941, Võ Nguyên Giáp lần đầu tiên gặp Hồ Chí Minh tại hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp tại Trung

Quốc. Mặc dù có một số người Việt Nam được đào tạo tại trường quân sự Hoàng Phố, Quảng Châu, nhưng Hồ Chí Minh vẫn giao cho Võ Nguyên Giáp - một người đã từng là giáo sư sử học - một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn là tổ chức lực lượng vũ trang cho những người cộng sản ở Việt Nam.

Trung tuần tháng 12-1941, đội Tuyên truyền Giải phóng quân đã được thành lập. Có thể nói, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những người sáng lập quân đội Việt Nam, nhưng ông vẫn thường nói: “Hồ Chí Minh mới là cha đẻ của các lực lượng vũ trang Việt Nam”.

3. Phan Bội Châu và Triều Tiên

Tôi đã đọc cuốn *Việt Nam vong quốc sử* của Sào Nam Tử viết đầu thế kỷ này. Đây là cuốn sách do Lương Khải Siêu dịch ra tiếng Trung Quốc và Huyền Thái dịch ra tiếng Hàn Quốc. Lương Khải Siêu là người Trung Quốc sang ở Nhật từ trước và đã gặp Sào Nam Tử, một người Việt Nam thuộc phái Đông Du mới lưu vong sang Nhật. Trong ba tập của cuốn sách trên, tập một là phần Lương Khải Siêu ghi lại những điều Sào Nam giải bày tâm sự cùng Lương với tình chí cốt của người nước bạn. Tập hai do Sào Nam tự thuật theo lời yêu cầu của Lương, ghi lại nguyên nhân Việt Nam mất nước, những mẫu chuyện của người chí sĩ và chính sách tàn bạo của thực dân Pháp. Tập ba là nội dung cuộc đàm thoại giữa Lương và Sào Nam về tương lai nước Việt. Năm 1906, Huyền Thái truyền bá sách này ở Hàn Quốc đặng mong noi gương Việt Nam dựng lại cơ đồ đất nước nhưng đến năm 1909 bị Chính phủ vương triều trong nước ra lệnh cấm phát hành và đến năm 1910 thì mất nước.

Cho đến nay, ở Hàn Quốc vẫn chỉ biết Sào Nam Tử lúc đó là một người Việt Nam không tên tuổi lưu vong sang Nhật mà thôi. Nhưng trong một cuộc nói chuyện với Giáo sư Phan Văn Các của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia Việt Nam, người mà tôi gặp hồi tháng 8 năm nay, tôi mới biết rằng á hiệu của nhà yêu nước Phan Bội Châu, người sáng lập ra phong trào Đông Du nổi tiếng của Việt Nam là Phan Văn Sơn, hiệu là Sào Nam, biệt hiệu là Phan Thi Hán. Tôi xin cảm ơn Giáo sư Phan Văn Các.

Đầu tháng Tư năm ngoái (27-3 đến 6-4), tôi lại có dịp giảng bài tại Đại học Quốc gia Hà Nội với chủ đề “Nền giáo dục vì sự sinh tồn của dân tộc”. Năm nay, tôi đã đi thăm Việt Nam lần thứ hai (16-4 đến 25-4) và lần thứ ba (4 đến 13-8). Và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có sức hấp dẫn lạ lùng đối với tôi.

4. Hồ Chí Minh – nhà lãnh đạo tâm cơ thế giới

Khi còn ở Pháp, bất cứ khi nào có ai từ Đông Dương hay Trung Quốc sang thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc đó là Nguyễn Ái Quốc) thì y như rằng ông lại

dẫn người bạn đó đến một gallery nghệ thuật hoặc bảo tàng Louvre. Thế đấy, triết lý chính trị của Hồ Chí Minh được nhấn mạnh bằng thẩm mỹ học.

Năm 1920, anh thanh niên Trung Quốc Đặng Tiểu Bình đến Pháp và ở cùng với Chu Ân Lai, người hơn anh đến sáu tuổi. Cả hai đều xuất thân từ gia đình địa chủ ở Trung Quốc, nhưng ở Pháp họ lại là dân cu-li được trả tiền công thấp. Lúc đó, Chu làm việc ở cửa hàng ô tô Renault. Ở đây, họ gặp người anh Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh). Sau này Chu nói về Hồ Chí Minh như sau: “Về chính trị, Nguyễn Ái Quốc còn chín chắn hơn tôi” (Asiaweek, 8-1994).

Thực sự, Hồ Chí Minh là một thành viên sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp. Ông còn là một trong những đại biểu của đoàn Pháp tới dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản ở Moskva năm 1923. Năm 1928, Hồ Chí Minh tham gia hội nghị phát động phong trào chống chiến tranh đế quốc tại Brussels (Bỉ). Tại đây, Hồ Chí Minh gặp cụ thân sinh của cố thủ tướng Ấn Độ Nehru. “Có một điều người ta thường hay bỏ qua là khá lâu trước khi Mao, Stalin, Gandhi và Nehru được biết đến ngoài tầm hoạt động của mình thì Hồ Chí Minh đã nổi tiếng trong giới Âu châu và sự nổi tiếng này chẳng bao lâu đã mở rộng đến toàn vùng Viễn Đông thông qua các mối quan hệ tiếp xúc” (Charles Fenn, *Scribner's New York*, 1973).

Hồ Chí Minh được xem như là một nhà triết học, một nhà văn hoá, một nhà lãnh đạo quốc tế. Khi còn học tại trường Quốc học ở kinh thành Huế, quan tâm lớn nhất của Người không phải là chương trình học tập chính khoá bắt buộc hay tấm bằng cử nhân mà là một loạt các môn học phong phú, một kiểu nghiên cứu liên ngành.

Khi còn là thuỷ thủ, Người đã chứng kiến, nghe và cảm nhận thế giới trong nhiều năm trời bôn ba khắp châu Âu, châu Phi, châu Mỹ cho đến lúc tới nước Pháp, một bến dừng trong cuộc hành trình của Người. Tại Hội nghị Versailles về hoà bình, mặc dù Người kêu gọi đòi quyền tự quyết cho Đông Dương, nhưng không một ai trong hội nghị hưởng ứng lại. Do vậy, Người tự nhủ với mình: “Đây chỉ là nơi để những kẻ găngxtơ chiến thắng chia sẻ lại chiến lợi phẩm của họ”.